

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-ST  
Ngày 18-02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Liên và bà Nguyễn Thị Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn C;** sinh năm: 1988; tại: xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: tiểu khu 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị V; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/09/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**- Bị hại:** anh Hoàng Đình D, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1958. Địa chỉ: số nhà 177, đường N, khu phố 1, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1971. Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Chị Đậu Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1951. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/7/2021, Nguyễn Văn C đi bộ đến nhà anh Hoàng Đình D. Khi đến nhà anh D thì có anh D cùng vợ là chị Đậu Thị H đang ở nhà, sau đó có bà Hoàng Thị S đến chơi. Ngồi uống nước, nói chuyện một lúc thì C hỏi mượn anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 36B3-875.48 để đi đón bạn khoảng 30 phút sẽ mang xe về trả. Anh D đồng ý và giao xe cho C. Sau khi nhận được xe, C không đi đón bạn mà mang chiếc xe trên đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của ông Vũ Ngọc T bán và giới thiệu mình là Hoàng Đình D, chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô đồng thời đưa đăng ký xe mô tô tên anh Hoàng Đình D cho ông T xem. Ông T đồng ý mua chiếc xe với giá 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng), yêu cầu C cung cấp Chứng minh nhân dân nhưng C nói đã bị mất, đang làm thẻ căn cước, khi nào nhận được thẻ căn cước sẽ quay lại làm giấy tờ mua bán xe và để lại số điện thoại cho ông T để tiện cho việc liên lạc, tuy nhiên, sau này ông T gọi vào số điện thoại nhưng không liên lạc được. Số tiền bán xe, C tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi giao xe cho C mượn, nhưng anh D không thấy C mang đến trả, gọi điện thoại liên lạc thì C không nghe máy. Ngày 24/7/2021, chị Hiền xuống nhà C để yêu cầu trả xe nhưng không gặp. Ngày 22/8/2021, anh D đến Công an xã H tố giác Nguyễn Văn C chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B3-875.48.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C không thừa nhận việc mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 36B3-875.48 của anh D mà trình bày là mua lại chiếc xe trên của anh D với giá 8.000.000 đồng, cùng ngày C mang xe đến bán lại cho ông T với giá 9.500.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ để xác định Nguyễn Văn C thực hiện giao dịch mua bán xe mô tô biển kiểm soát 36B3-875.48 với anh Hoàng Đình D.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bà Hoàng Thị S nhận dạng qua hình ảnh, kết quả bà S nhận ra Nguyễn Văn C chính là người đến nhà anh D ngày 23/7/2021 hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 36B3-875.48 của anh D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 36B3-875.48 trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Cáo trạng số 08/CT-VKSHT ngày 12 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 175: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng và trả số tiền 3.000.000 đồng cho ông Vũ Ngọc T.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, ngoài việc không nhận tội, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Mặc dù từ giai đoạn điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên qua các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết luận định giá tài sản, đủ cơ sở khẳng định: khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 23/7/2021, tại gia đình anh Hoàng Đình D, địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn C mượn anh D một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, biển kiểm soát 36B3-875.48 để đi đón bạn. Do tin tưởng vì trước đây C là người đã từng làm cùng công ty, nên anh D đã giao xe cho C. Tuy nhiên, sau khi nhận xe từ anh D, C đã điều khiển xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của ông Vũ Ngọc T để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị chiếc xe mô tô mà C chiếm đoạt của anh D là 10.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Mặt khác, theo báo cáo về nhân thân đối tượng của Công an thị trấn H thì bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt khỏi địa phương, rất khó trong công tác quản lý tại địa bàn. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đủ khả năng giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Vũ Ngọc T là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, biển kiểm soát 36B3-875.48. Bản thân ông T không biết đây là tài sản mà bị cáo phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

[3]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, sau khi biết chiếc xe mô tô đã bị Nguyễn Văn C bán cho ông Vũ Ngọc T, anh Hoàng Đình D đã đến cửa hàng ông T chuộc lại chiếc xe cùng với đăng ký xe mô tô với số tiền 7.000.000 đồng và bàn giao cho Công an huyện Hà Trung để phục vụ công tác điều tra. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô cho anh D, anh D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của anh D là có căn cứ, nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này cho anh D là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Ông Vũ Ngọc T đã mua chiếc xe mô tô từ Nguyễn Văn C với giá 9.500.000 đồng, tuy nhiên anh Hoàng Đình D đã chuộc lại chiếc xe này với số tiền 7.000.000 đồng. Ông T yêu cầu C phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng là chi phí ông sửa lại chiếc xe, tại phiên tòa anh D cũng thừa nhận khi nhận lại chiếc xe, có sự thay thế mới một số phụ tùng của chiếc xe. Xét thấy, yêu cầu của ông T là có căn cứ, nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho ông T là phù hợp với Điều 48 của Bộ luật hình sự và các điều 579, 580 của Bộ luật dân sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**1.** Về tội danh: bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**2.** Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23/09/2021.

**3.** Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các điều 579, 580, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) cho anh Hoàng Đình D và trả lại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho ông Vũ Ngọc T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, bị cáo Nguyễn Văn C còn phải chịu thêm

khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4. Về án phí:** căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đào Văn Nam**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Hội thẩm nhân dân**                      **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Liên      Nguyễn Thị Chung                      Đào Văn Nam**

